



Biểu 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 19/8/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm kế hoạch - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2026 -2030					Kế hoạch vốn năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú	
									Tổng số	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó							
										Ngân sách TW		Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách xã		NSTW		Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách xã	Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ xi măng (tấn)			
										Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Vốn năm 2026		Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026		Vốn năm 2026							
1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11	12		13	14	15	16		17	18	19	
	Tổng cộng							17,061.28	15,814.28	1,178.28	9,804.00	4,832.00	1,247.00	8,846.28	1,178.28	3,668.00	4,000.00	-	1,000.00			
A	Hợp phần thứ nhất							17,061.28	15,814.28	1,178.28	9,804.00	4,832.00	1,247.00	8,846.28	1,178.28	3,668.00	4,000.00	-	1,000.00			
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu							15,178.28	13,931.28	1,178.28	8,753.00	4,000.00	1,247.00	7,346.28	1,178.28	3,000.00	3,168.00	-	1,000.00			
I.1	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả							14,000.00	12,753.00	-	8,753.00	4,000.00	1,247.00	6,168.00	-	3,000.00	3,168.00	-	1,000.00			
1	Xây dựng Cầu Hát Luông	Thôn Bình Minh, xã Na Rì	KBNN KV VII - Phòng GD số 8		292	2026 - 2028		10,000.00	8,753.00		8,753.00		1,247.00	3,000.00		3,000.00			300.00	TT Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì		
2	Đường bê tông Bàn Cháng - Lũng Phàng, Soi Cãi - Nà Diệc	Thôn Kim Lư, Lương Thành, xã Na Rì	KBNN KV VII - Phòng GD số 8		292	2026 - 2027		4,000.00	4,000.00			4,000.00		3,168.00			3,168.00		700.00			
I.2	Nội dung số 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi							1,178.28	1,178.28	1,178.28	-	-		1,178.28	1,178.28	-	-		-			
1	Sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn xã	Xã Na Rì	KBNN KV VII - Phòng GD số 8		283	2026 - 2027		1,178.28	1,178.28	1,178.28				1,178.28	1,178.28					TT Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì		
II	Nội dung thành phần số 07: Xây dựng môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn							1,883.00	1,883.00	-	1,051.00	832.00	-	1,500.00	-	668.00	832.00	-	-			
II.1	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”							1,883.00	1,883.00	-	1,051.00	832.00	-	1,500.00	-	668.00	832.00	-	-			
1	Đầu tư lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại các thôn trên địa bàn xã	Thôn Yên Lạc, Kim Lư, Bình Minh, Hợp Thành, Đoàn Kết, Lam Sơn, Bản Pô	KBNN KV VII - Phòng GD số 8			2026 - 2027		1,883.00	1,883.00		1,051.00	832.00		1,500.00		668.00	832.00			TT Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì		

4,846.28

4450

3168

Biểu 02

BIỂU PHÂN BỐ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHEO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2026 XÃ NA RÌ

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 19/8/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm kế hoạch - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026						Kế hoạch phân bổ năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó							
										NSTW		Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ xi măng (tấn)	NSTW		Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách xã	Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ xi măng (tấn)		
										Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Vốn năm 2026					Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Vốn năm 2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=17+18+19+20	17	18	19	20	21	22	23
	Tổng cộng							17,061.28	8,846.28	1,178.28	3,668.00	4,000.00	-	1,000.00	8,846.28	1,178.28	3,668.00	4,000.00	-	1,000.0		
A	Hợp phần thứ nhất							17,061.28	8,846.28	1,178.28	3,668.00	4,000.00	-	1,000.00	8,846.28	1,178.28	3,668.00	4,000.00	-	1,000.0		
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu							15,178.28	7,346.28	1,178.28	3,000.00	3,168.00	-	1,000.00	7,346.28	1,178.28	3,000.00	3,168.00	-	1,000.0		
I.1	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả							14,000.00	6,168.00	-	3,000.00	3,168.00		1,000.00	6,168.00	-	3,000.00	3,168.00		1,000.0		
1	Xây dựng Cầu Hát Luông	Thôn Bình Minh, xã Na Rì	KBNN KV VII - Phòng GD số 8		292	2026 - 2028		10,000.00	3,000.00		3,000.00			300.00	498.36		498.36				TT Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì	Giao vốn chuẩn bị đầu tư
2	Đường bê tông Bàn Cháng - Lũng Phàng, Soi Cãi - Nà Diệc	Thôn Kim Lư, Lương Thành, xã Na Rì	KBNN KV VII - Phòng GD số 8		292	2026 - 2027		4,000.00	3,168.00			3,168.00		700.00	197.41		197.41					Giao vốn chuẩn bị đầu tư
3	Dư chưa phân bổ														5,472.23		2,501.64	2,970.59		1,000.0		
I.2	Nội dung số 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi							1,178.28	1,178.28	1,178.28	-	-			1,178.28	1,178.28	-	-				
1	Sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn xã	Xã Na Rì	KBNN KV VII - Phòng GD số 8		283	2026 - 2027		1,178.28	1,178.28	1,178.28					70.24	70.24					TT Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì	Giao vốn chuẩn bị đầu tư (QĐ số 93/QĐ-TTĐVTH ngày 01/8/2026)
2	Dư chưa phân bổ														1,108.04	1,108.04						
II	Nội dung thành phần số 07: Xây dựng môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn							1,883.00	1,500.00	-	668.00	832.00	-	-	1,500.00	-	668.00	832.00	-	-		
II.1	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”							1,883.00	1,500.00	-	668.00	832.00	-	-	1,500.00	-	668.00	832.00	-	-		

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm kế hoạch - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026						Kế hoạch phân bổ năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Trong đó				Ngân sách cấp tính hỗ trợ xi măng (tấn)	Tổng cộng	Trong đó				Ngân sách cấp tính hỗ trợ xi măng (tấn)		
										NSTW		Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách xã			NSTW		Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Ngân sách xã			
										Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Vốn năm 2026					Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Vốn năm 2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=17+18+19+20	17	18	19	20	21	22	23
1	Đầu tư lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại các thôn trên địa bàn xã	Thôn Yên Lạc, Kim Lư, Bình Minh, Hợp Thành, Đoàn Kết, Lam Sơn, Bàn Pò	KBNN KV VII - Phòng GD số 8			2026 - 2027		1,883.00	1,500.00		668.00	832.00		89.11			89.11				TT Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì	Giao vốn chuẩn bị đầu tư
2	Dư chưa phân bổ														1,410.89		668.00	742.89				